TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 699 /PVCFC-IR
V/v thông qua kế hoạch SXKD 05 năm 2026-2030 của PVCFC

Cà Mau, ngày 22 tháng 4 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM.

Tên công ty: **Công ty cổ phần - Tổng Công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau**

Mã chứng khoán: **DCM**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 647-649, đường Ngô Quyền, Phường An Xuyên, Tỉnh Cà Mau.

Điện thoại đi động: (0290) 3819 000 Fax: (0290) 3590 501

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Đỗ Thành Hưng

Địa chỉ: Số 647-649, đường Ngô Quyền, Phường An Xuyên, Tỉnh Cà Mau.

Loại thông tin công bố:

☐ Định kỳ ☑ Bất thường (24h) ☐ Bất thường (72h) ☐ Yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Ngày 21/4/2026, HĐQT Tổng Công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau đã ban hành Nghị quyết số 991/NQ-PVCFC về việc thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh 05 năm giai đoạn 2026-2030. Chi tiết như tại Phụ lục đính kèm.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau www.pvcfc.com.vn, mục Quan hệ Nhà đầu tư vào ngày 22/4/2026.

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã được công bố.

Nơi nhận:
- Như trên;
- HĐQT-PVCFC (để b/c);
- BKS, TGĐ-PVCFC (để b/c);
- Lưu: VT, IR.

NGƯỜI ĐƯỢC UQCBTT
NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

M.S.D.N: 2001012298 - C.T.C.P. TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU P. AN XUYÊN - T. CÀ MAU

Ký bởi: Đỗ Thành Hưng
Ngày ký: 22/04/2026 15:05:29
Tổ chức xác thực:VNPT SmartCA RS

CÔNG TY CỔ PHẦN - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN - TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN DẦU KHÍ CÀ MAU
Date: 2026.04.22 15:59:26 +07'00'

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.pvcfc.com.vn/ với số định danh: 0262/CV-VPHĐQT

PHỤ LỤC 01

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2026-2030 CỦA PVCFC

(Đính kèm Công văn số: 699 /PVCFC-IR ngày 22/4/2024)

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Cung cấp các giải pháp nông nghiệp bền vững, góp phần đảm bảo an ninh lương thực quốc gia và khu vực.

2. Tuân thủ các chuẩn mực quản trị quốc tế, đồng hành cùng chính sách Tam nông của Nhà nước và góp phần phát triển nông nghiệp Việt Nam hiện đại.

3. Phát triển bền vững các lĩnh vực chiến lược như phân bón, khí công nghiệp, hóa chất, năng lượng sạch, công nghệ sinh học và chế biến sau thu hoạch phù hợp định hướng phát triển của Tập đoàn Công nghiệp - Năng lượng Quốc Gia Việt Nam.

4. Tập trung đầu tư chọn lọc theo chuỗi giá trị nông nghiệp, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.

5. Tập trung phát triển các sản phẩm có thương hiệu, chất lượng cao phù hợp xu hướng công nghệ mới, thân thiện với môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu.

6. Xây dựng uy tín thương hiệu thông qua trách nhiệm với khách hàng và cộng đồng, làm nền tảng cho phát triển bền vững lâu dài.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

1. Mục tiêu tổng quát

- PVCFC phấn đấu trở thành doanh nghiệp hàng đầu khu vực Đông Nam Á trong lĩnh vực sản xuất - kinh doanh phân bón, khí công nghiệp, hóa chất xanh và công nghệ sinh học ứng dụng. Tập trung cung cấp các giải pháp toàn diện trong chuỗi giá trị nông nghiệp dựa trên công nghệ thông minh và phát triển bền vững.

- Đồng thời, PVCFC đầu tư có chọn lọc và hiệu quả vào ba lĩnh vực chiến lược: (1) Mở rộng lĩnh vực sản xuất, kinh doanh phân bón; (2) Phát triển khí công nghiệp và hóa chất liên quan phân bón; (3) Ứng dụng công nghệ sinh học và chế biến sau thu hoạch nhằm gia tăng giá trị và nâng cao năng lực cạnh tranh dài hạn.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đa dạng hóa và phát triển sản phẩm, dịch vụ trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh phân bón

Định hướng phát triển lĩnh vực sản xuất - kinh doanh phân bón theo hướng tích hợp và bền vững:

- Vận hành hiệu quả Nhà máy Đạm Cà Mau theo tiêu chuẩn an toàn - ổn định - bền vững, kết hợp triển khai các chương trình cải tiến liên tục, tối ưu hóa quy trình sản xuất, nâng cao hiệu suất thiết bị và chất lượng sản phẩm.

- Tối ưu hóa sử dụng khí đầu vào thông qua các hạng mục cải hoán công nghệ, tiết giảm năng lượng, nâng cao hiệu quả chuyển hóa nguyên liệu, đặc biệt phù hợp trong bối cảnh giá khí có xu hướng tăng dài hạn.

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.pvcfc.com.vn/ với số định danh: 0262/CV-VPHĐQT

- Đa dạng hóa danh mục sản phẩm, tập trung phát triển các dòng phân bón có tiềm năng tăng trưởng cao, bao gồm:

+ Urê và các dòng sản phẩm đạm chức năng

+ NPK chất lượng cao

+ Phân bón UAN, SOP, MKP

+ Phân bón hữu cơ - hữu cơ vi sinh

+ Phân bón hòa tan, phân bón lá - hướng tới thị trường ngách như nông nghiệp đô thị, nông nghiệp công nghệ cao.

- Mở rộng thị trường tiêu thụ, tập trung giữ vững và nâng cao thị phần trong nước và Campuchia, đồng thời từng bước mở rộng xuất khẩu sang các thị trường tiềm năng (Châu Á, Châu Phi, Nam Mỹ…), hướng đến phát triển hoạt động kinh doanh quốc tế hiệu quả và bền vững.

- Ứng dụng công nghệ số trong hệ thống phân phối, đẩy mạnh phát triển các kênh bán hàng trên nền tảng thương mại điện tử, tiếp cận người tiêu dùng cuối và triển khai mô hình kinh doanh B2B nhằm tăng tốc độ phủ thị trường và kiểm soát trải nghiệm khách hàng.

- Đầu tư phát triển hạ tầng logistics bao gồm kho bãi, cảng trung chuyển, đội xe vận tải làm nền tảng cho hoạt động tự doanh, phân phối chủ động, xuất nhập khẩu trực tiếp, giúp gia tăng giá trị chuỗi cung ứng và biên lợi nhuận.

2.2. Đầu tư, sản xuất, kinh doanh lĩnh vực khí công nghiệp và hóa chất liên quan phân bón

PVCFC định hướng phát triển lĩnh vực khí công nghiệp theo mô hình tích hợp Tuần hoàn - Bền vững - Công nghệ cao, khai thác hiệu quả tài nguyên hiện hữu, đồng thời mở rộng sang các sản phẩm công nghệ mới có tiềm năng tăng trưởng và đóng góp cho mục tiêu Net Zero:

- Tối ưu và mở rộng sản xuất CO_2 thực phẩm:

+ Giai đoạn 1: Duy trì sản xuất ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm CO_2 thực phẩm từ hệ thống thu hồi tại Nhà máy Đạm Cà Mau, với công suất hơn 16.000 tấn/năm đã đưa vào vận hành từ 2025.

+ Giai đoạn 2: Triển khai mở rộng thu hồi CO_2 từ khí tự nhiên (fuel gas/natural gas), với sản lượng mục tiêu khoảng 50.000 tấn/năm, góp phần giảm phát thải khí nhà kính và tạo nguồn nguyên liệu chủ động cho sản xuất CO_2 thực phẩm.

- Phát triển sản phẩm khí công nghiệp tại Nhà máy Đạm Cà Mau:

+ Đầu tư dự án thu hồi các khí phụ như N_2, Ar, H_2, CH_4 từ quá trình sản xuất Urê, cung cấp ra thị trường khoảng 7.500 tấn Argon lỏng và 46.00 tấn N2 lỏng mỗi năm.

+ Tăng cường tận dụng nguồn khí hiện hữu để tạo giá trị gia tăng từ phụ phẩm, phục vụ thị trường công nghiệp chế biến, hàn - cắt, điện tử, y tế.

- Đầu tư cụm nhà máy tích hợp khí công nghiệp và Bio-methanol từ biomass tại khu vực Tây Nam Bộ:

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.pvcfc.com.vn/ với số định danh: 0262/CV-VPHĐQT

+ Phát triển cụm công nghiệp sản xuất khí công nghiệp (O_2, N_2, Ar, CO2) và methanol sinh học gần khu vực công nghiệp, khu sản xuất lớn đảm bảo tích hợp, đồng bộ với khu công nghiệp của Petrovietnam tại khu vực Tây Nam bộ.

+ Hướng đến đáp ứng nhu cầu khí công nghiệp tại chỗ và cung cấp Bio-methanol phục vụ công nghiệp hóa chất, nhiên liệu sinh học và cho xuất khẩu.

- Thử nghiệm công nghệ mới: Sản xuất Hydrogen xanh/hồng trên công nghệ Plasma và Graphene:

+ Khởi động các nghiên cứu tiền khả thi về sản xuất H_2 xanh/hồng dùng công nghệ plasma và graphene để hướng đến các sản phẩm chiến lược trong tương lai như nhiên liệu sạch, vật liệu mới, nông hóa cao cấp.

- Phát triển chế phẩm nâng cao hiệu quả phân bón:

+ Sản xuất chất tạo bọc chậm tan, trung vi lượng tích hợp, chế phẩm sinh học kết hợp cùng phân bón chủ lực để nâng hiệu quả sử dụng, kéo dài thời gian tác dụng và tăng hiệu quả canh tác.

+ Phát triển một số dòng nông dược phụ trợ an toàn sinh học phục vụ chương trình nông nghiệp bền vững.

- Mở rộng danh mục sản phẩm liên quan khí công nghiệp: Từng bước phát triển dịch vụ kèm theo như cung cấp khí tại chỗ, trạm chiết nạp, hoặc dịch vụ khí đóng chai.

2.3. Đầu tư, sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghệ sinh học và chế biến sau thu hoạch

Định hướng phát triển lĩnh vực công nghệ sinh học và chế biến sau thu hoạch như một trụ cột chiến lược mới, nhằm mở rộng chuỗi giá trị nông nghiệp và gia tăng biên lợi nhuận từ giải pháp toàn diện:

- Trong lĩnh vực công nghệ sinh học, tập trung nghiên cứu - phát triển các dòng sản phẩm vi sinh, enzyme, công nghệ chọn lọc và nhân giống vô tính thực vật, phục vụ trực tiếp cho giải pháp dinh dưỡng và cải tạo đất, phù hợp chiến lược nông nghiệp xanh.

- Trong lĩnh vực chế biến sau thu hoạch, xây dựng mô hình chuỗi giá trị từ giống - vùng nguyên liệu - sơ chế - chế biến - bảo quản - logistics - tiêu thụ, trước mắt tập trung vào một số loại nông sản chiến lược như chanh không hạt, xoài, chanh dây... Ưu tiên mô hình liên kết B2B với doanh nghiệp địa phương và phát triển thị trường xuất khẩu.

- Phát triển thử nghiệm sản phẩm thực phẩm - đồ uống có nguồn gốc nông sản, ứng dụng công nghệ chế biến sạch và logistics lạnh, hướng đến chuỗi giá trị nội địa cao cấp hoặc sản phẩm OEM xuất khẩu.

III. MỘT SỐ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CHỦ YẾU 05 NĂM 2026-2030

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 05 năm 2026-2030		Tăng trưởng bình quân 05 năm 2026-2030 (%)
			Tổng giai đoạn 2026-2030	Năm 2030	
A	**CHỈ TIÊU SẢN LƯỢNG**				
1	**Sản lượng sản xuất**				
1.1	Urê quy đổi	Nghìn tấn	4.757 - 4.800	969,0	1%
-	*Trong đó: Đạm chức năng*	Nghìn tấn	*800 - 820*	*200,0*	14%

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.pvcfc.com.vn/ với số định danh: 0262/CV-VPHĐQT

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 05 năm 2026-2030		Tăng trưởng bình quân 05 năm 2026-2030 (%)
			Tổng giai đoạn 2026-2030	Năm 2030	
1.2	NPK		2.194 - 2.220	539,0	11%
-	*NPK (PVCFC sản xuất)*	Nghìn tấn	*1.380 - 1.400*	*325,0*	
-	*NPK (KVF sản xuất)*	Nghìn tấn	*814 - 820*	*214,0*	
1.3	SOP (Sulphate of Potash)	Nghìn tấn	235 - 240	90,0	
1.4	MKP	Nghìn tấn	94 - 100	36,0	
1.5	NH4Cl	Nghìn tấn	167 - 170	63,9	
1.6	CO2 thực phẩm	Nghìn tấn	208 - 210	66,5	320%
1.7	Khí công nghiệp (Agron)	Nghìn tấn	23 - 24	7,8	
2	**Sản lượng tiêu thụ**				
2.1	Nhóm sản phẩm Urê	Nghìn tấn	4.618 - 4.640	943,0	1%
2.2	NPK	Nghìn tấn	2.194 - 2.220	539,0	11%
-	*NPK (PVCFC sản xuất)*	Nghìn tấn	1.380 - 1.400	325,0	
-	*NPK (KVF sản xuất)*	Nghìn tấn	814 - 820	214,0	
2.3	Phân bón Hữu cơ, phân bón lá, phân bón hòa tan…	Nghìn tấn	300 - 310	100,0	52%
2.4	SOP (Sulphate of Potash)	Nghìn tấn	235 - 240	90,0	
2.5	MKP	Nghìn tấn	94 - 100	36,0	
2.6	NH4Cl	Nghìn tấn	167 - 170	63,9	
2.7	Phân bón tự doanh	Nghìn tấn	1.955 - 2.000	445,0	5%
2.8	CO2 thực phẩm	Nghìn tấn	208 - 210	66,5	320%
2.9	Khí công nghiệp (Agron)	Nghìn tấn	23 - 24	7,8	
I	**Tài chính hợp nhất PVCFC**				
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	25.882 - 25.883	25.882	8%
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	11.651 - 11.652	11.651	2%
3	Doanh thu	Tỷ đồng	125.898 - 126.000	35.946	Tăng trưởng bình quân cả giai đoạn đạt 20%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	6.565 - 6.600	2.421	60%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	5.388 - 5.400	1.940	59%
6	Nộp Ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	2.509 - 2.600	741	19%
7	Tỷ suất LNST/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%/năm	5%	8%	
8	Tỷ suất LNST/Vốn CSH bình quân (ROE)	%/năm	10%	17%	
II	**Tài chính Công ty mẹ - PVCFC**				
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	25.119 - 25.200	25.119	8%
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	11.220 - 11.300	11.220	1%

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.pvcfc.com.vn/ với số định danh: 0262/CV-VPHĐQT

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 05 năm 2026-2030		Tăng trưởng bình quân 05 năm 2026-2030 (%)
			Tổng giai đoạn 2026-2030	Năm 2030	
	Trong đó: - Vốn điều lệ	Tỷ đồng	5.294	5.294	
3	Doanh thu	Tỷ đồng	100.802 - 100.900	25.218	12%
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	5.156 - 5.200	1.676	40%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	4.550 - 4.600	1.498	45%
6	Nộp Ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	1.885 - 1.900	422	5%
7	Tỷ suất LNST/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%/năm	4%	6%	34%
8	Tỷ suất LNST/Vốn CSH bình quân (ROE)	%/năm	8%	14%	43%
9	Tỷ lệ chia cổ tức	%/năm	Tỷ lệ chia cổ tức đảm bảo trên 8%/năm. PVCFC sẽ chấp thuận cụ thể theo từng năm.		
C	**CHỈ TIÊU ĐẦU TƯ (Công ty mẹ)**				
1	**Giá trị thực hiện đầu tư**	**Tỷ đồng**	**10.251**	**508**	**152%**
	Trong đó: - Đầu tư XDCB và MSTTB	*Tỷ đồng*	10.003	508	
	- Đầu tư tài chính	*Tỷ đồng*	249		
2	**Giá trị giải ngân**	**Tỷ đồng**	**10.259**	**1.075**	**146%**
	Trong đó: - Vốn CSH của PVCFC	*Tỷ đồng*	3.457	313	
	- Vốn vay+khác	*Tỷ đồng*	6.802	763	

Văn bản này được xác thực tại https://eoffice.pvcfc.com.vn/ với số định danh: 0262/CV-VPHĐQT